

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 570/2026/DS-PT
Ngày 16 tháng 6 năm 2026
“V/v Tranh chấp di sản thừa kế; hủy
một phần di chúc và chia di sản thừa kế
theo pháp luật”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 251/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về “*Tranh chấp di sản thừa kế; hủy một phần di chúc và chia di sản thừa kế theo pháp luật*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1146/2026/QĐPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2026/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn:

1.1. Bà **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm 1967 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 11/6/12B Trần Nguyên Hãn, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp).

1.2. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1972 – Có mặt;

1.3. Ông **Nguyễn Văn T¹**, sinh năm 1973 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 27/5B Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T¹ (Văn bản ủy quyền do Văn phòng công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt, tỉnh Tiền Giang công chứng ngày 22/9/2025): Bà Trương Thị Thanh T², sinh năm 1993 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 35 Hùng Vương, Phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Thị Kim Loan, Trưởng Văn phòng luật sư Kim Loan thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp – Có mặt;

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp);

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (Văn bản ủy quyền do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Thích, tỉnh Đồng Tháp công chứng ngày 04/5/2026): Bà Nguyễn Thị H¹, sinh năm 1960 – Có mặt;

Địa chỉ: 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1942; Quốc tịch: Pháp – Vắng mặt;

Địa chỉ: 14 - allée des palmiers 69320 Feyzin, France.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn L (Văn bản ủy quyền do Văn phòng công chứng Cửu Long, tỉnh Tiền Giang công chứng ngày 30/8/2023): Bà Nguyễn Thị H¹, sinh năm 1960 (cũng là đương sự trong vụ án) – Có mặt;

3.2. Bà Nguyễn Thị H¹, sinh năm 1960 – Có mặt;

Địa chỉ: 27/5A Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Nay là: 27/5A phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H¹: Luật sư Phạm Quang Thành, Giám đốc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thái Hải thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

3.3. Ông Jean Michel Nguyen (Nguyễn Văn H²), sinh năm 1969; Quốc tịch: Pháp – Vắng mặt;

Địa chỉ: 06 - Avenue de Paris 95230 Soisy Sous Montmorrency, France.

3.4. Ông Antony Nguyen (Nguyễn Văn T³), sinh năm 1972; Quốc tịch: Pháp – Vắng mặt;

Địa chỉ: 13 - Bis Rue Ambroise pare 75010 Paris, France.

3.5. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1955; Quốc tịch: Pháp – Vắng mặt;

Địa chỉ: 12 - Impasse berthier, 69400 Ville Franche Sur Saône, France.

3.6. Bà Thi T⁴ Burais Nguyen (Nguyễn Thị T⁴), sinh năm 1958; Quốc tịch: Pháp – Vắng mặt;

Địa chỉ: 80A.Avenue Paul Vaillant Couturier 77190 Dammarie Les lys, France.

3.7. Ông Nguyễn Văn T⁵, sinh năm 1961 (chết ngày 03/10/2024);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T⁵:

3.7.1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1958 – Vắng mặt;

3.7.2. Anh Nguyễn Hữu T⁶, sinh năm 1980 – Vắng mặt;

3.7.3. Nguyễn Thị Như T⁷, sinh năm 1984 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 62/4 Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp);

3.7.4. Anh Nguyễn Hữu T⁸, sinh năm 1977 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 106D, ấp An Phú, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (Nay là xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long);

3.8. Ông Nguyễn Văn Đ (Tư T⁹), sinh năm 1962 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 117/5 Thái Văn Đẩu, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp);

Chỗ ở: Ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp);

3.9. Ông Ngô Văn T¹⁰, sinh năm 1952 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 8/4 Nguyễn Huỳnh Đức, Khu phố 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp);

4. Người kháng cáo:

4.1. Bị đơn bà Nguyễn Thị H;

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 29/9/2023 và lời khai tiếp theo, các nguyên đơn: Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T¹ cùng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cụ Đỗ Thị D có con riêng là ông Nguyễn Văn T⁵ và ông Nguyễn Văn Đ (Theo bà Nguyễn Thị H¹ khai thì cụ D còn có người con riêng tên Ngô Văn T¹⁰ định cư tại Hoa Kỳ, đã chết tháng 11/2023, không rõ địa chỉ);

Cụ Nguyễn Văn C và cụ Lê Thị C¹ (chết năm 1963) có các con chung gồm: Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị T⁴, Nguyễn Thị H¹ và Nguyễn Văn A (tên khác là Lê Văn L¹, chết ngày 24/01/2004, có vợ là Nguyễn Thị H);

Năm 1965, cụ Nguyễn Văn C chung sống như vợ chồng với cụ Đỗ Thị D và có các con chung gồm: Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T¹, Nguyễn Văn H², Nguyễn Văn T³;

Cụ Nguyễn Văn C chết ngày 29/7/1999, cụ Đỗ Thị D chết ngày 28/02/2008.

Tài sản chung của cụ C với cụ D tạo lập là diện tích đất 124,66 m² và căn nhà gắn liền với đất tại số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Sau đây viết tắt là nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức) do cụ Nguyễn Văn C đứng tên Giấy chứng nhận sở hữu nhà số 6837 do Sở Xây dựng tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/02/1992;

Cụ C có lập di chúc ngày 08/4/1997 có nội dung:

- Cho bà Nguyễn Thị N hưởng một phần căn nhà và diện tích đất 17,85 m², bà N đã cất nhà và được cấp Giấy số 3605 ngày 28/9/1998 (Các nguyên đơn đồng ý cho bà Nguyễn Thị N được hưởng và không tranh chấp phần này);

- Cho ông Nguyễn Văn L hưởng một phần căn nhà và diện tích đất 106,81 m²; Phần này cụ C lập di chúc đã vượt quá quyền về tài sản của cụ C nên các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Công nhận diện tích đất 106,81 m² tại 27/5, Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và căn nhà gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 6837 ngày 22/02/1992 cấp cho cụ Nguyễn Văn C là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn C với cụ Đỗ Thị D;

- + Tuyên bố vô hiệu một phần đối với di chúc do cụ C lập ngày 08/4/1997 có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang ngày 09/4/1997;

- + Buộc bà Nguyễn Thị H giao trả căn nhà gắn liền với phần đất có diện tích 106,81 m² tại 27/5, Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

- + Chia thừa kế theo pháp luật đối với một phần hai diện tích đất và một phần hai căn nhà thành 05 phần cho các đồng thừa kế gồm: Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T¹, Jean Michel Nguyen (Nguyễn Văn H²), Antony Nguyen (Nguyễn Văn T³) và nhận bằng hiện vật. Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Văn T¹, Nguyễn Văn H² (Jean Michel Nguyen) đồng ý nhường kỷ phần cho Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn giá trị thừa kế theo di chúc của cụ C cho ông Nguyễn Văn L và thừa kế theo pháp luật của cụ D cho các đồng thừa kế khác.

Ông Nguyễn Văn T⁵ và ông Nguyễn Văn Đ từ chối nhận di sản thừa kế.

Tại Văn bản ngày 17/7/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn vì đây là tài sản riêng của cụ Nguyễn Văn C và cụ C đã lập di chúc toàn bộ tài sản này cho ông Nguyễn Văn L, ông L đã đồng ý cho Bà sống đến hết đời trên căn nhà này.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H¹ trình bày: Thống nhất về thời gian cụ Nguyễn Văn C, cụ Đỗ Thị D mất, về con chung của cụ C và cụ D gồm các con: Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T¹, Nguyễn Văn H², Nguyễn Văn T³;

Cụ C và cụ C¹ có các người con chung gồm: Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị H¹, Nguyễn Thị T⁴, Lê Văn L¹ (Nguyễn Văn A đã chết năm 2004) có vợ là Nguyễn Thị H;

Cụ Đỗ Thị D có các con riêng gồm: Nguyễn Văn T⁵, Ngô Văn T¹⁰, Nguyễn Văn Đ;

Tài sản đang tranh chấp tại số 27/5, Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và căn nhà gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 6837 ngày 22/02/1992 cấp cho cụ Nguyễn Văn C là tài sản riêng của cụ C, không phải là tài sản chung của cụ C với cụ D như nguyên đơn trình bày;

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong đó có phần:

Bà Nguyễn Thị N hưởng một phần căn nhà và diện tích đất 17,85 m², bà N đã cất nhà và được cấp giấy số 3605 ngày 28/9/1998, phần này các đồng nguyên đơn không tranh chấp. Đây là di sản của cụ C để lại và cần đưa vào di chúc của cụ C, phần này bà H¹ sẽ có yêu cầu độc lập và sẽ gửi đơn cho Tòa án sau;

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị công nhận diện tích đất 106,81 m² tại 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và căn nhà gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 6837 ngày 22/02/1992 cấp cho cụ Nguyễn Văn C là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn C và cụ Đỗ Thị D. Bà H¹ không đồng ý vì đây là tài sản riêng của cụ C;

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố vô hiệu một phần đối với di chúc do cụ C lập ngày 08/4/1997, có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang ngày 09/4/1997 là không có căn cứ vì đây là tài sản riêng của cụ Nguyễn Văn C;

Đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của phía nguyên đơn, bà H¹ không đồng ý như đã trình bày ở trên vì đây là tài sản riêng của cụ C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26 và các điều 92, 147, 220, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 213, 218, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 620, 623, 624, 625, 626, 630, 635, 636, 643, 649, 650, 651, 654, 659, 660, 668 và 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T¹ về việc công nhận diện tích đất 106,81 m², (có diện tích thực đo là 104,20 m²) thuộc thửa 220, tờ bản đồ số 9, tại số 27/5, Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp) và căn nhà gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 6837 ngày 22/02/1992 cấp cho cụ Nguyễn Văn C là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn C và cụ Đỗ Thị D;

Công nhận căn nhà có kết cấu: Nhà ở: Nhà trệt, cột gỗ, vách nhò, nền xi măng, mái tole; Cổng rào: Khung sắt, song sắt; Hàng rào: Khung sắt, lưới B40; Sân xi măng phía trước: Ximăng, đá 4x6; Sân ximăng phía sau: Ximăng, đá 4x6; Nhà kho: Cột kèo, đoàn tay gỗ, vách tole, có một vách nhò, nền ximăng, mái tole và Diện tích đất 106,81m², (có diện tích thực đo là 104.20m²) thuộc thửa 220, tờ bản đồ số 9, tại số 27/5, Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp) và căn nhà gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 6837 ngày 22/02/1992 cấp cho cụ Nguyễn Văn C là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn C và cụ Đỗ Thị D (theo chứng thư thẩm định giá số 019/2024/1407720/TGG ngày 15/10/2024 của Công ty Cổ phần giám định thẩm định Sài Gòn).

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T¹ về việc tuyên bố vô hiệu một phần đối với di chúc do cụ Nguyễn Văn C lập ngày 08/4/1997, có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang ngày 09/4/1997;

Di chúc do cụ Nguyễn Văn C lập ngày 08/4/1997, có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang ngày 09/4/1997 bị vô hiệu một phần.

[3]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T¹ về việc chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị D theo pháp luật và chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn C theo di chúc:

[3.1]. Ông Nguyễn Văn L được hưởng di sản thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Văn C là một phần hai tài sản đang tranh chấp có giá trị là 2.561.171.050 đồng;

Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần cho ông Nguyễn Văn L mà ông L được hưởng di sản thừa kế theo di chúc là 2.561.171.050 đồng; Trong đó giá trị căn nhà là 20.149.850 đồng, giá trị đất là 2.541.021.200 đồng;

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông L thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3.2]. Ông Nguyễn Văn T³ được hưởng một kỷ phần di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Đỗ Thị D có giá trị là 426.861.841 đồng;

Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần mà ông Nguyễn Văn T³ được hưởng di sản của cụ D là 426.861.841 đồng;

Ông Nguyễn Văn T³ hiện tại ở nước ngoài nên tạm thời bà N tạm giữ 01 kỷ phần của ông T³, khi nào ông T³ yêu cầu thì bà N có nghĩa vụ trả lại một kỷ phần bằng giá trị cho ông T³ là 426.861.841 đồng;

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T³ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án;

[3.3]. Ông Ngô Văn T¹⁰ được hưởng một kỷ phần di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Đỗ Thị D có giá trị là 426.861.841 đồng;

Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần mà ông Ngô Văn T¹⁰ được hưởng di sản của cụ D là 426.861.841 đồng;

Do không xác định ông Ngô Văn T¹⁰ còn sống hay đã chết nên tiếp tục giao cho bà N tạm giữ 01 kỷ phần của ông T¹⁰, khi nào ông T¹⁰ có yêu cầu hoặc hàng thừa kế của ông T¹⁰ (nếu ông T¹⁰ chết) có yêu cầu thì bà N có nghĩa vụ giao một kỷ phần bằng giá trị là 426.861.841 đồng cho ông T¹⁰ hoặc hàng thừa kế của ông T¹⁰.

Kể từ ngày ông Ngô Văn T¹⁰ (hoặc hàng thừa kế của ông T¹⁰) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3.4]. Bà Nguyễn Thị N được sở hữu toàn bộ: Thửa đất 220, tờ bản đồ số 9 có diện tích thực đo 104,20m², tại số 27/5, Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là 27/5 - Nguyễn Huỳnh Đức, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp) và căn nhà gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 6837 ngày 22/02/1992 cấp cho cụ Nguyễn Văn C; (theo chứng thư thẩm định giá số 019/2024/1407720/TGG ngày 15/10/2024 của Công ty Cổ phần giám định thẩm định Sài Gòn) (có sơ đồ kèm theo).

[4]. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T¹ về việc bà Nguyễn Thị H giao trả căn nhà gắn liền với phần đất có diện tích 104,20 m², tại số 27/5, Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là 27/5 - Nguyễn Huỳnh Đức, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp) cho bà Nguyễn Thị N;

Buộc bà Nguyễn Thị H giao trả căn nhà gắn liền với phần đất có diện tích 104,20 m², tại số 27/5, Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là 27/5 - Nguyễn Huỳnh Đức, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp) cho bà Nguyễn Thị N;

[5]. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N đồng ý hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H 100.000.000 đồng chi phí di dời nhà và tiền di dời cây trồng là 1.755.000 đồng, hàng rào phía trước có giá trị 2.419.830 đồng, cổng rào có giá trị 851.032 đồng, tổng cộng là 105.025.862 đồng và cho bà H lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sở hữu đất theo quy định.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và dành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Cùng ngày 16/9/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H¹ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Nguyễn Thị H¹ đồng thời cũng là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, công nhận di chúc của cụ Nguyễn Văn C là hợp pháp, xác định nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức là tài sản riêng của cụ Nguyễn Văn C, chia thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Văn C. Cụ Nguyễn Văn C đã mua cho cụ Đỗ Thị D căn nhà khác và cụ D cũng đã bán căn nhà mà cụ C đã mua cho cụ D, nên nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức là tài sản riêng của cụ C, không phải là tài sản chung của cụ C với cụ D. Trong suốt quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị H chỉ có yêu cầu được tiếp tục ở trong nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức cho đến cuối đời mà không có yêu cầu được chia công sức giữ gìn, tôn tạo di sản. Tại phiên tòa hôm nay được nghe Hội đồng xét xử giải thích về quyền được yêu cầu được chia công sức giữ gìn tôn tạo di sản nhưng với tư cách là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H thì bà Nguyễn Thị H¹ cũng không có yêu cầu được chia công sức cho bà Nguyễn Thị H, mà đồng ý theo sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N về việc đồng ý cho bà Nguyễn Thị H được tiếp tục cư trú trong nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức cho đến hết đời của bà Nguyễn Thị H và bà H đồng ý không nhận tiền hỗ trợ di dời với tổng số tiền là 105.025.862 đồng.

Luật sư Phạm Quang Thành đề nghị xem xét cụ C mua đất ban đầu chỉ có 84 m² nhưng nay diện tích đất là 104,2 m² nên Bản án sơ thẩm xác định tài sản chung của cụ C với cụ D là chưa có căn cứ vững chắc, đã xác định cụ C với cụ D còn tồn tại quan hệ hôn nhân là không đúng vì thực tế hai cụ đã ly hôn từ năm 1973 bằng việc đã chia tài sản, chia con chung, trong di chúc cụ C cũng đã xác định cụ đã ly thân với cụ D; Khi cụ C làm thủ tục tặng đất cho bà Nguyễn Thị N

thì cụ D còn sống nhưng không có phản đối, chứng tỏ cụ D đã thừa nhận nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức là tài riêng của cụ C. Đề nghị áp dụng Án lệ số 41/2021 để xác định quan hệ hôn nhân giữa cụ C với cụ D đã chấm dứt kể từ năm 1973. Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị N không đồng ý kháng cáo của bà Nguyễn Thị H¹ và bà Nguyễn Thị H. Bà yêu cầu định giá lại nhà đất vì việc định giá đã quá 06 tháng và hiện nay nhà đất đã xuống giá; Bà đồng ý cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục cư trú tại nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức cho đến cuối đời của bà H với điều kiện là bà sẽ không hỗ trợ chi phí di dời cho bà H với tổng số tiền là 105.025.862 đồng;

Ông Nguyễn Văn T¹ không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H¹, đề nghị xem xét hoàn cảnh của ông hiện nay không có chỗ ở.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đơn kháng cáo đều hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo, ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H¹ đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có cử người đại diện hợp pháp của bà tham gia phiên tòa; những đương sự khác vắng mặt đều là những người không có kháng cáo và việc vắng mặt của họ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt họ.

Bà Nguyễn Thị N không xuất trình được chứng cứ chứng minh kết quả định giá lần đầu không chính xác nên không có căn cứ để chấp nhận việc định giá lại, theo quy định tại khoản 5 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức có nguồn gốc của bà Lý Thị B¹ thế chấp cho cụ Nguyễn Văn C để nhận số tiền 150.000 đồng, cam kết hoàn lại tiền trong 02 năm theo “*Tờ thế chân tiền nhà lập ngày 30/9/1967*”, nhưng do không có tiền để trả lại cho cụ C nên bà đã sang nhượng nhà đất trên cho cụ C và bà Lý Thị B¹ lập Giấy xác nhận ngày 15/8/1991 xác định sự việc trên.

Ngày 15/5/1991, cụ Nguyễn Văn C có Đơn xin xác nhận chủ quyền nhà và được Sở xây dựng tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 6837/XD ngày 22/02/1992 đối với nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức.

[3] Cụ Nguyễn Văn C lập Di chúc ngày 08/4/1997, được Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Mỹ Tho xác nhận, có nội dung: Cắt phần đất phía sau nhà dài 4 m, ngang 5,35 m cho Nguyễn Thị N; Phần đất còn lại và căn nhà cho ông Nguyễn Văn L đang sống tại Pháp.

Các bên đương sự đều không tranh chấp đối với phần đất dài 4 m, ngang 5,35 m do bà Nguyễn Thị N đang quản lý, nên không đặt ra để giải quyết.

Các bên đương sự chỉ yêu cầu giải quyết chia thừa kế đối với phần nhà đất theo Di chúc của cụ Nguyễn Văn C giao cho ông Nguyễn Văn L.

Theo Mảnh trích đo địa chính số 68-2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tài nguyên và Môi trường INCOM lập ngày 12/7/2024, được Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố Mỹ Tho xác nhận ngày 01/10/2024 (bút lục 523) và Chứng thư thẩm định giá số 019/2024/1407720/TGG ngày 15/10/2024 của Công ty Cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn thì phần đất có diện tích là $104,2 \text{ m}^2 \times 48.772.000 \text{ đồng/m}^2 = 5.082.042.400 \text{ đồng}$, công trình trên đất (nhà ở, cổng rào, hàng rào, sân xi măng, nhà kho) trị giá 40.299.700 đồng, tiền công di dời các cây trồng là 1.755.000 đồng; Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 5.122.342.100 đồng;

[4] Di chúc ngày 08/4/1997 của cụ Nguyễn Văn C đảm bảo hình thức quy định tại khoản 3 Điều 653 Bộ luật dân sự năm 1995 (luật có hiệu lực pháp luật tại thời điểm lập di chúc);

Tất cả các bên đương sự đều xác định cụ Nguyễn Văn C chung sống như vợ chồng với cụ Đỗ Thị D từ năm 1965 và có 05 con chung, lớn nhất sinh năm 1967, nhỏ nhất sinh năm 1973; đồng thời cũng không có quyết định ly hôn của cụ C với cụ D. Như vậy, có căn cứ để xác định giữa cụ Nguyễn Văn C với cụ Đỗ Thị D đã tồn tại hôn nhân thực tế từ năm 1965, nên quan hệ tài sản giữa cụ Nguyễn Văn C với cụ Đỗ Thị D được điều chỉnh theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959: *“Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”*;

Nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ Nguyễn Văn C với cụ Đỗ Thị D, nên theo quy định của pháp luật đã viện dẫn trên thì nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức là tài sản chung của vợ chồng, cụ Nguyễn Văn C chỉ có quyền định đoạt đối với $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng, nên Di chúc của cụ Nguyễn Văn C chỉ có hiệu lực đối với phần của cụ trong khối tài sản chung và vô hiệu đối với phần tài sản của cụ Đỗ Thị D. Bản án sơ thẩm đã tuyên bố vô hiệu một phần Di chúc của cụ Nguyễn Văn C là có cơ sở.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H¹ yêu cầu công nhận toàn bộ Di chúc ngày 08/4/1997 của cụ

Nguyễn Văn C và chia thừa kế theo di chúc ngày 08/4/1997 của cụ Nguyễn Văn C.

[5] Cụ Nguyễn Văn C chết ngày 29/7/1999, cụ Đỗ Thị D chết ngày 28/02/2008.

Phần di sản của cụ Nguyễn Văn C được chia theo theo di chúc, còn cụ Đỗ Thị D không có di chúc nên phần di sản của cụ Đỗ Thị D được chia theo pháp luật;

[5.1] Theo Di chúc ngày 08/4/1997 của cụ Nguyễn Văn C thì ông Nguyễn Văn L được hưởng toàn bộ di sản của cụ Nguyễn Văn C, còn các thừa kế khác của cụ Nguyễn Văn C không được hưởng di sản của cụ Nguyễn Văn C.

Do ông Nguyễn Văn L đang định cư tại Pháp, không thường xuyên cư trú tại Việt Nam nên ông Nguyễn Văn L được chia thừa kế bằng giá trị với số tiền là 2.561.171.050 đồng (5.122.342.100 đồng/2).

[5.2] Người thừa kế hàng thứ Nhất của cụ Đỗ Thị D có 08 người, gồm các đương sự: Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T¹, Nguyễn Văn H², Nguyễn Văn T³, Nguyễn Văn Đ, Ngô Văn T¹⁰ và Nguyễn Văn T⁵ (chết năm 2024, vợ là Trần Thị M và các con là: Nguyễn Hữu T⁸, Nguyễn Hữu T⁶, Nguyễn Thị Như T⁷);

Ông Nguyễn Văn T³ và ông Nguyễn Văn Đ từ chối nhận di sản; 06 thừa kế còn lại không có yêu cầu tính công sức giữ gìn, tôn tạo di sản, nên di sản của cụ Đỗ Thị D được chia đều thành 06 phần bằng nhau cho 06 thừa kế còn lại của cụ Đỗ Thị D, mỗi thừa kế được hưởng 01 kỷ phần có giá trị là 426.861.841 đồng (2.561.171.050 đồng/6);

Các ông, bà: Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Văn T¹, Nguyễn Văn H² tặng kỷ phần của mình cho bà Nguyễn Thị N, nên bà Nguyễn Thị N được nhận 04 kỷ phần với giá trị là 1.707.447.366 đồng.

Ông Nguyễn Văn T³ và ông Ngô Văn T¹⁰ mỗi người được hưởng 01 kỷ phần có giá trị là 426.861.841 đồng, nhưng do ông Nguyễn Văn T³ đang ở nước ngoài chưa có ý kiến và chưa xác định được địa chỉ của ông Ngô Văn T¹⁰, nên tạm giao cho bà Nguyễn Thị N quản lý kỷ phần của ông Nguyễn Văn T³ và ông Ngô Văn T¹⁰, khi đương sự có yêu cầu thì bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ giao lại.

[5.3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, mặc dù đã được giải thích về quyền yêu cầu được chia công sức giữ gìn, tôn tạo di sản cho bà Nguyễn Thị H nhưng người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H vẫn có ý kiến không yêu cầu tính công sức cho bà Nguyễn Thị H, mà chỉ đề nghị xem xét nguyện vọng của bà Nguyễn Thị H là được cư trú tại nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức cho đến hết đời. Do đó, không có căn cứ để đặt ra giải quyết công sức giữ gìn, tôn tạo di sản cho bà Nguyễn Thị H;

[5.4] Do bà Nguyễn Thị N được quản lý toàn bộ di sản của cụ Đỗ Thị D (trong đó được nhận 04 kỷ phần/6 kỷ phần và được tạm quản lý 02 kỷ phần/6 kỷ phần), còn ông Nguyễn Văn L được hưởng toàn bộ di sản của cụ Nguyễn Văn C bằng giá trị, nên Bản án sơ thẩm đã giao cho bà Nguyễn Thị N được quyền quản lý, sở hữu toàn bộ nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức đồng thời phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L giá trị

di sản của cụ Nguyễn Văn C; buộc bà Nguyễn Thị H phải giao trả nhà đất 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức cho bà Nguyễn Thị N, ghi nhận bà Nguyễn Thị N hỗ trợ chi phí di dời cho bà Nguyễn Thị H và quyết định về quyền lưu cư của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ pháp luật.

[5.5] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Nguyễn Thị N đồng ý cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục cư trú tại nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức cho đến hết đời của bà Nguyễn Thị H với điều kiện là bà sẽ không hỗ trợ các khoản chi phí di dời cho bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền là 105.025.862 đồng. Bà Nguyễn Thị H¹ đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H đồng ý điều kiện của bà Nguyễn Thị N và có yêu cầu cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục cư trú tại nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức cho đến hết đời của bà Nguyễn Thị H, nên ghi nhận sự thoả thuận này của các đương sự.

[6] Từ các phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H¹, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H¹ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H¹; Ghi nhận sự thoả thuận giữa bà Nguyễn Thị N với bà Nguyễn Thị H (do bà Nguyễn Thị H¹ làm người đại diện hợp pháp); Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T¹;

2.1. Công nhận Thừa đất số 220, Tờ bản đồ số 9, diện tích 106,81 m² (đo đạc thực tế là 104,2 m²) và căn nhà trên đất tại số 27/5, Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp) do cụ Nguyễn Văn C đứng tên Giấy chứng nhận nhà cửa số 6837 cấp ngày 22/02/1992 là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn C với cụ Đỗ Thị D. Xác định di sản của mỗi cụ là ½ nhà đất 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức.

2.2. Tuyên bố vô hiệu Di chúc của cụ Nguyễn Văn C lập ngày 08/4/1997 đối với phần di sản của cụ Đỗ Thị D và có hiệu lực pháp luật đối với phần di sản của cụ Nguyễn Văn C;

2.3. Chia di sản của cụ Nguyễn Văn C theo di chúc và chia di sản của cụ Đỗ Thị D theo pháp luật;

2.4. Công nhận cho ông Nguyễn Văn L được hưởng toàn bộ di sản của cụ Nguyễn Văn C bằng giá trị với số tiền là 2.561.171.050 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị N hoàn trả giá trị phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn L bằng giá trị với số tiền là 2.561.171.050 đồng (*Hai tỷ năm trăm sáu mươi một triệu một trăm bảy mươi một ngàn không trăm năm mươi đồng*);

2.5. Di sản của cụ Đỗ Thị D được chia làm 06 kỷ phần bằng nhau;

Công nhận cho bà Nguyễn Thị N được hưởng 04 kỷ phần và tạm quản lý 01 kỷ phần của ông Nguyễn Văn T³, 01 kỷ phần của ông Ngô Văn T¹⁰. Khi ông Nguyễn Văn T³ và ông Ngô Văn T¹⁰ có yêu cầu thì bà Nguyễn Thị N phải giao trả lại kỷ phần cho ông Nguyễn Văn T³ và ông Ngô Văn T¹⁰.

2.6. Bà Nguyễn Thị N được quyền quản lý, sử dụng Thửa đất số 220, Tờ bản đồ số 9, diện tích 106,81 m² (đo đạc thực tế là 104,2 m²) và được quyền sở hữu căn nhà trên đất tại số 27/5, Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp) do cụ Nguyễn Văn C đứng tên Giấy chứng nhận nhà cửa số 6837 cấp ngày 22/02/1992;

Đặc điểm, cấu trúc căn nhà và kích thước, diện tích, hình thể, giáp giới thửa đất tại số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức được xác định theo trang 4, trang 5 Chứng thư thẩm định giá số 019/2024/1407720/TGG ngày 15/10/2024 của Công ty Cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn (bút lục số 533, 534) và Mảnh trích đo địa chính số 68-2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tài nguyên và Môi trường INCOM lập ngày 01/10/2024, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Mỹ Tho phê duyệt ngày 01/10/2024 (bút lục số 523);

Bà Nguyễn Thị N có quyền và nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức theo quy định của pháp luật;

2.7. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Công nhận cho bà Nguyễn Thị H được tiếp tục cư trú tại nhà đất số 27/5 Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp) cho đến hết đời của bà Nguyễn Thị H;

Bà Nguyễn Thị N không phải hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H chi phí di dời nhà là 100.000.000 đồng, tiền di dời cây trồng là 1.755.000 đồng, hàng rào phía trước có giá trị 2.419.830 đồng, công rào có giá trị 851.032 đồng, tổng cộng là 105.025.862 đồng (*Một trăm lẻ năm triệu không trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng*);

2.8. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H¹ **không phải chịu** án phí dân sự phúc thẩm;

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát XXPT VKSNDTC tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TPQ (27b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

